TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 09/2019/QĐST-HNGĐ	*Quận 1, ngày 04 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 597/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", giữa:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Lô Văn T, sinh năm 1977.
Địa chỉ: Xã A, huyện B, tỉnh C.

- Bà Huỳnh Thị Xuân L, sinh năm 1984.
Địa chỉ: Số 48 đường X, phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn yêu cầu đề ngày 23/10/2018, ông T, bà L cùng yêu cầu Tòa án giải quyết việc thuận tình ly hôn. Ông T, bà L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 183, quyển số 01 ngày 10/11/2006, nên quan hệ hôn nhân giữa ông T, bà L là hợp pháp.

Theo ông T, bà L cùng trình bày: Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, bản thân ông T làm công nhân xây dựng nên thường xuyên đi xa, vợ chồng cũng gặp khó khăn về vấn đề tiền bạc, thu nhập không đủ trang trải cho cuộc sống gia đình nên vợ chồng hay cãi vã, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Nay cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên hai bên cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông T, bà L thỏa thuận giao 01 con chung tên Lô

Huỳnh Ngọc M (giới tính nữ), sinh ngày 13/02/2007 cho bà Huỳnh Thị Xuân L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lô Văn T cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 (Một triệu) đồng/tháng kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con tròn 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T, bà L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 27 tháng 12 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lô Văn T và bà Huỳnh Thị Xuân L thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 183, quyển số 01 do Uỷ ban nhân dân phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/11/2006).

- Về con chung: Hai bên thỏa thuận giao 01 con chung tên Lô Huỳnh Ngọc M (giới tính nữ), sinh ngày 13/02/2007 cho bà Huỳnh Thị Xuân L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lô Văn T cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 (Một triệu) đồng/tháng kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của con, Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Lô Văn T và bà Huỳnh Thị Xuân L xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), ông Lô Văn T

và bà Huỳnh Thị Xuân L chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2017/0023707 ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân

sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Lô Văn T và bà Huỳnh Thị Xuân L đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND Quận 1;
- Chi cục THADS Quận 1;
- UBND phường Y, Quận Z;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Mạnh